

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 517/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-12-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm;

Ông Huỳnh Văn Tới.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 692/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 498/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Triệu Bé N**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N sống chung năm năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định pháp luật, hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 người con chung, cháu Triệu Vĩnh Nguyên, sinh ngày 03/10/2014, hiện đang sống cùng với chị, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc riêng, không có điều kiện tham dự phiên tòa, chị L có đơn yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Triệu Bé N đúng theo quy định pháp luật nhưng anh N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh N có nơi cư trú tại ấp Kinh Hòn, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L yêu cầu xét xử vắng mặt, anh N đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ những vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2014 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Trường hợp nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung cháu Triệu Vĩnh Nguyên, sinh ngày 03/10/2014, hiện đang sống cùng với chị L, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu Nguyên hiện nay đang sống chung với chị L do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh N nhưng anh vẫn vắng mặt không tham dự hòa giải và xét xử tại tòa cũng như không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng

xét xử quyết định giao cháu Nguyên cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với sự phát triển ổn định vốn có của cháu, điều kiện cụ thể các bên và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyên, đây là ý chí tự nguyện của chị L nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản chung các bên có quyền khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trúc L với anh Triệu Bé N.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Triệu Vĩnh Nguyên, sinh ngày 03/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Triệu Bé N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Triệu Bé N không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00011783 ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An được chuyển thu.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS H. Bến Lức, tỉnh Long An;
- UBND xã Khánh Bình Tây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Hợp